

Số: 835/QĐ-ĐHTN

Đăk Lăk, ngày 15 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt, ban hành Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích
Nhà làm việc, diện tích sử dụng chung của Trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ (Nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Công văn 9115/BTC-QLCS ngày 25/8/2023 của Bộ Tài chính về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Công văn 6976/BGDĐT-CSVC ngày 14/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc lấy ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc, diện tích sử dụng chung của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Công văn 1181/BTC-QLCS ngày 30/01/2024 của Bộ Tài chính về việc Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc, công trình sự nghiệp của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Công văn 563/BGDĐT-CSVC ngày 05/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính tại văn bản 1181/BTC-QLCS ngày 30/01/2024;

Căn cứ Công văn 2853/BTC-QLCS ngày 21/03/2024 của Bộ Tài chính về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc, công trình sự nghiệp của Trường Đại học Tây Nguyên;



Căn cứ Công văn số 2158/BGDĐT-CSVC ngày 10/05/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Tiêu chuẩn định mức sử dụng nhà làm việc, diện tích sử dụng chung, diện tích công trình sự nghiệp;

Căn cứ Chiến lược phát triển của Trường Đại học Tây Nguyên giai đoạn 2020 - 2027, định hướng 2035;

Căn cứ Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Tây Nguyên (Sau khi đã tiếp thu, rà soát, hiệu chỉnh các số liệu, nội dung theo Công văn số 2853/BTC-QLCS ngày 21/3/2024 của Bộ Tài chính và đã trừ phần diện tích của Khoa Y Dược);

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Cơ sở vật chất về việc phê duyệt, ban hành Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Tây Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt, ban hành Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích Nhà làm việc của Trường Đại học Tây Nguyên (Kèm theo các Phụ lục).

Điều 2. Phòng Cơ sở vật chất, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trường căn cứ theo tiêu chuẩn, định mức được duyệt để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê công trình sự nghiệp; quản lý, sử dụng các công trình sự nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; Hướng dẫn các đơn vị có liên quan kịp thời rà soát báo cáo và đề xuất trình cấp có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn định mức sử dụng cho phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển của nhà trường trong các giai đoạn tiếp theo.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Cơ sở vật chất, Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD và ĐT (để b/c);
- ĐU, HĐTr (để b/c);
- Lưu VT, CSVC_(Đ).



TS. Nguyễn Thanh Trúc

CÁC PHỤ LỤC
(Kèm theo Quyết định số 235/QĐ-ĐHTN ngày 15/05/2024)

PHỤ LỤC 1

Diện tích sử dụng cho chức danh trong Nhà làm việc

Đơn vị: m²

TT	Chức danh	Tổng số m ²	Ghi chú
1	Bí thư, chủ tịch hội đồng Trường và các chức danh tương đương	25	Phụ cấp chức vụ từ 0,8-1,05
2	Phó bí thư, Hiệu trưởng và các chức danh tương đương	25	Phụ cấp chức vụ từ 0,8-1,05
3	Phó Hiệu trưởng và các chức danh tương đương	45	Phụ cấp chức vụ từ 0,7-0,9
4	Trưởng phòng, phó trưởng phòng và các chức danh tương đương	1.188	Phụ cấp chức vụ 0,6
5	Chuyên viên và các chức danh tương đương	370	
6	Cá nhân ký hợp đồng không xác định thời hạn	35	
	Tổng cộng	1.688	

me



PHỤ LỤC 2

Diện tích sử dụng chung trong Nhà làm việc

Đơn vị: m²

TT	Danh mục	ĐVT	Số Lượng	Diện tích m ² / phòng	Tổng số m ²
1	Phòng họp dưới 100 chỗ	Phòng	2	100	200
2	Phòng tiếp khách Quốc tế	Phòng	1	100	100
3	Phòng truyền thông	Phòng	1	100	100
4	Phòng bảo vệ	Phòng	2	30	60
5	Phòng văn thư, lưu trữ	Phòng	1	50	50
6	Phòng lưu trữ hồ sơ cán bộ	Phòng	1	30	30
7	Phòng lưu trữ hồ sơ kế toán, hồ sơ hoàn thành dự án	Phòng	2	75	150
8	Phòng để công cụ lao động	Phòng	1	50	50
9	Phòng đặt máy photocopy chung (Dành cho khối hành chính)	Phòng	1	30	30
10	Nhà dành cho đội xe	Phòng	1	30	30
	Tổng cộng				800

Yên
vu

PHỤ LỤC 3
Diện tích chuyên dùng trong Nhà làm việc

Đơn vị: m²

TT	Danh mục	ĐVT	Số Lượng	Diện tích m ² / phòng	Tổng số m ²
1	Phòng tiếp dân (Sử dụng để tiếp công dân, trả hồ sơ)	Phòng	1	50	50
2	Phòng lưu trữ hồ sơ sinh viên	Phòng	2	100	200
3	Phòng lưu trữ bài thi của sinh viên. Thạc sỹ, NCS	Phòng	4	100	400
4	Phòng chuẩn bị dụng cụ dạy các môn thể chất	Phòng	2	75	150
5	Phòng lưu trữ, cấp phát văn bằng, chứng chỉ	Phòng	1	50	50
6	Phòng làm đề thi	Phòng	1	75	75
7	Phòng chấm thi	Phòng	3	75	225
8	Phòng máy chủ	Phòng	1	75	75
9	Phòng sản xuất, ghi hình bài giảng	Phòng	3	50	150
10	Phòng góc văn hóa các ngoại ngữ được đào tạo tại Nhà Trường	Phòng	2	75	150
	Tổng cộng				1.525

[Signature]